

KẾT QUẢ VÒNG 1 KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2016 VÀO CỤC THUẾ YÊN BÁI

(Kèm theo Thông báo số 3108 /TB-HĐTD ngày 05/9/2017 của Chủ tịch HĐTD công chức Tổng cục Thuế năm 2016)

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
I. Chuyên viên và Kiểm tra viên thuế																			
1	Đinh Ngọc	Ánh				23	8	1995	Hải Dương	Đại học Luật Hà Nội	Luật		YBA00064		77.50	72.50	60.00		YBA00044
2	Hứa Ngọc	Ánh	23	1	1994				Khánh Thiện, Lục Yên, Yên Bái	Đại học Luật Hà Nội	Luật học	DTTS	YBA00066	20	60.00	55.00	67.50		YBA00029
3	Nguyễn Lê	Chung				10	9	1989	Xã Thịnh Hưng, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	Đại học Công đoàn	Tài chính doanh nghiệp		YBA00107		VT	VT	VT		YBA00023
4	Tạ Duy	Đức	22	6	1992				Hưng Yên	Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Tài chính - Ngân hàng		YBA00167		22.5	35.00	55.00	Cảnh cáo	YBA00037
5	Lại Thùy	Dung				2	9	1993	Hải Sơn, Hải Hậu, Nam Định	Đại học Công Nghệ Việt Hưng	Tài chính kế toán		YBA00173		52.50	65.00	52.50		YBA00018
6	Mai Thị Kim	Dung				21	10	1988	Xã Yên Hợp, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Kế toán		YBA00177		VT	VT	VT		YBA00006
7	Ngô Tuấn	Dũng	17	6	1993				Huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ	Đại học Kinh tế Quốc dân	Tài chính doanh nghiệp		YBA00194		75.00	68.75	75.00		YBA00004
8	Đỗ Thị Thu	Hà				27	7	1991	Xuân Bắc, Xuân Trường, Nam Định	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Ngân hàng		YBA00245		VT	VT	VT		YBA00040
9	Nguyễn Hoàng	Hà				13	3	1993	Thanh Oai, Hà Nội	Đại học Luật Hà Nội	Luật		YBA00254		57.50	65.00	57.50		YBA00035
10	Nguyễn Thị	Hà				25	10	1989	Thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh Đại học Thái Nguyên	Kế toán tổng hợp		YBA00259		VT	VT	VT		YBA00025
11	Nguyễn Thị Thùy	Hạnh				12	6	1991	Yên Bái	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		YBA00355		80.00	73.75	87.50		YBA00005
12	Bùi Xuân	Hiếu	25	12	1994				Xã Thụy Phú, huyện Phú Xuyên, Hà Nội	Học viện nông nghiệp Việt Nam	Kinh tế		YBA00407		70.00	43.75	80.00		YBA00012
13	Nguyễn Việt	Hoàng	16	9	1995				Xã Xuân Huy, huyện Lâm Thao	Đại học Luật Hà Nội	Luật		YBA00452		72.50	72.50	77.50		YBA00046
14	Nguyễn Thị	Hồng				5	6	1991	Hưng Yên	Học viện ngân hàng	Kế toán doanh nghiệp		YBA00464		80.00	80.00	62.50		YBA00030
15	Đặng Thị	Hường				31	8	1994	Thôn Yên Dũng, xã Yên Hợp, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái	Học viện Tài chính	Ngân hàng	DTTS	YBA00546	20	60.00	57.50	72.50		YBA00042
16	Đinh Phú	Khương	30	7	1986				Bình Lục, Hà Nam	Đại học Thái Nguyên	Kế toán tổng hợp		YBA00606		55.00	43.75	67.50		YBA00001
17	Nguyễn Trung	Kiên	24	7	1985				Bát Tràng, Gia Lâm, Hà Nội	Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh Đại học Thái Nguyên	Kế toán		YBA00615		40.00	63.75	60.00		YBA00021
18	Trần Trung	Kiên	1	10	1990				Xã Chính Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam	Đại học Công Nghiệp TP Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		YBA00619		70.00	36.25	65.00		YBA00013
19	Đỗ Thùy	Linh				20	5	1993	Xã Mỹ Văn, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Đại học Luật Hà Nội	Luật		YBA00677		90.00	68.75	70.00		YBA00014
20	Nguyễn Ngọc	Linh				1	11	1994	Dị Chẽ- Tiên Lữ- Hưng Yên	Đại học Luật Hà Nội	Luật		YBA00696		57.50	75.00	57.50		YBA00031
21	Hoàng Tuấn	Long	2	2	1992				Xã Liễu Đô, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái	Đại học Kinh tế kỹ thuật công nghiệp	Tài chính doanh nghiệp	DTTS	YBA00736	20	VT	VT	VT		YBA00039
22	Nguyễn Thị Khánh	Ly				1	7	1989	Xã Vạn lã, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	Học viện Tài chính	Tài chính ngân hàng		YBA00755		65.00	57.50	65.00		YBA00015
23	Nguyễn Phương	Mai				26	12	1990	Đan Thượng, Hạ Hòa, Phú Thọ	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kế toán tổng hợp		YBA00767		VT	VT	VT		YBA00041
24	Đỗ Thúy	Nga				26	11	1989	Phan Đình Phùng, Mỹ Hào, Hưng Yên	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		YBA00812		85.00	55.00	85.00		YBA00022
25	Nguyễn Linh	Nga				28	2	1992	Yên Bình, Yên Bái	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Tài chính		YBA00820		VT	VT	VT		YBA00003
26	Dương Thị Hồng	Ngọc				7	11	1994	Xã Đồng Thịnh, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc	Viện đại học mở Hà Nội	Luật kinh tế		YBA00853		80.00	60.00	62.50		YBA00026

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
27	Phạm Thị	Ngọc				26	9	1988	Phường Đồng Tâm, TP.Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Học viện Tài chính	Tài chính - Ngân hàng		YBA00871		82.50	55.00	65.00		YBA00024
28	Trịnh Thị Ánh	Nguyệt				10	10	1984	Thanh Oai, Hà Nội	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kế toán tổng hợp		YBA00886		55.00	27.50	60.00		YBA00002
29	Phùng Thị Lộc	Nhung				3	4	1993	Thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Học viện ngân hàng	Ngôn ngữ Anh- Tài chính- Ngân hàng		YBA00918		62.50	MT	72.50		YBA00032
30	Dương Kim	Oanh				1	10	1991	Ninh Giang, Hoa Lư, Ninh Bình	Học viện Tài chính	Ngân hàng		YBA00926		95.00	77.50	90.00		YBA00007
31	Lê Thị Thảo	Phương				4	9	1994	Huyện Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kế toán		YBA00949		52.50	MT	70.00		YBA00045
32	Đồng Thị	Thảo				2	2	1993	Trực Cát, Trục Ninh, Nam Định	Học viện Tài chính	Ngân hàng		YBA01121		87.50	67.50	77.50		YBA00008
33	Phạm Thị	Thảo				30	6	1994	Xã Vũ Đoài, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	Học viện Tài chính	Tin học tài chính kế toán		YBA01149		VT	VT	VT		YBA00016
34	Trần Thị Thu	Thảo				15	11	1991	Huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	Học viện Khoa học xã hội	Kinh tế học	DTTS	YBA01157	20	70.00	52.50	55.00		YBA00020
35	Trần Hoài	Thu				27	6	1990	Bình Lục, Hà Nam	Đại học Thăng long	Tài chính-kế toán		YBA01197		95.00	63.75	75.00		YBA00017
36	Nguyễn Thị Anh	Thư				1	7	1994	Xã Tuy Lộc, Thanh phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Học viện Tài chính	Thuế	DTTS	YBA01204	20	VT	VT	VT		YBA00011
37	Nông Thanh	Thủy				17	9	1986	Mình Xuân, Lục Yên, Yên Bái	Học viện Tài chính	Kế toán	DTTS	YBA01251	20	87.50	57.50	77.50		YBA00033
38	Nguyễn Thị Kiều	Trang				14	7	1991	Vũ Quý, Kiến Xương, Thái Bình	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Ngân hàng	Con TB	YBA01312	20	77.50	71.25	75.00		YBA00010
39	Nông Đức	Triều	22	2	1989				Xã Mường Lai, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái	Đại học Kinh doanh - Công nghệ Hà Nội	Tài chính ngân hàng	DTTS	YBA01348	20	62.50	75.00	82.50		YBA00009
40	Lê Bá	Tùng	7	12	1993				Xã Tân Lộc, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Lao động xã hội	Kế toán		YBA01399		42.50	38.75	55.00		YBA00034
41	Lương Thu	Uyên				16	7	1993	Thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái	Học viện Tài chính	Thuế		YBA01423		77.50	41.25	75.00		YBA00028
42	Trần Hoài	Vi				13	8	1994	Bình Lục, Hà Nam	Viện đại học mở Hà Nội	Luật kinh tế		YBA01440		82.50	56.25	72.50		YBA00043
43	Nguyễn Hải	Yến				1	11	1992	Yên Bình, Yên Bái	Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông	Kế toán tổng hợp		YBA01473		VT	VT	VT		YBA00038
II. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin																			
1	Nguyễn Anh	Nam	22	9	1990				Tân Hội, Đan Phượng, Hà Tây	Đại học Điện lực	Kỹ sư công nghệ thông tin		YBA01509		47.50	33.75			YBA00019
2	Cao Trung	Nguyễn	20	4	1988				Xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông		YBA01513		55.00	31.25			YBA00027
III. Chuyên viên làm Văn thư lưu trữ																			
IV. Cán sự làm Công nghệ thông tin																			
V. Cán sự và Kiểm tra viên trung cấp thuế																			
VI. Cán sự làm Văn thư lưu trữ																			